TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày: 23/5/2022
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/TLST- DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Kim T (6 X), sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*:

Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện G, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn*: Bà Lâm Thị V, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện C, tỉnh Bến Tre

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn X1, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Tất cà cùng có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/01/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Kim T là ông Huỳnh Minh T1 trình bày:

Bà Huỳnh Kim T (6 Xuân) là chủ cơ sở bán ngư lưới cụ phục vụ ghe tàu đánh bắt thủy sản. Từ ngày 07/4/2018 bà T có bán cho bà Lâm Thị V ngư lưới cụ đánh bắt, bà V hứa sẽ thanh toán đủ tiền cho bà T khi ghe đánh bắt vào bờ. Việc bà T bán các mặt hàng trên cho bà V được thực hiện nhiều lần. Đến ngày 05/12/2018 đôi bên có ngồi tổng kết lại xác nhận số tiền bà V còn thiếu bà T là 344.090.000đ, bà V có viết văn bản xác nhận số nợ trên dưới hình thức giấy tay giao cho bà T giữ.

Sau khi chốt số nợ trên, bà T tiếp tục bán ngư lưới cụ cho bà V, bà V thiếu tiếp bà T số tiền 114.780.000đ. Đối với số tiền này thì bà T có ghi lại quá trình mua bán để theo dõi, bà V không có ký tên hay viết văn bản xác nhận có nợ bà T.

Vì nhiều lần bà T yêu cầu bà V và chồng bà V là ông Nguyễn Văn X1 thanh toán tiền thiếu mà vợ chồng bà V, ông X1 cứ hứa hẹn, trì hoãn không thực hiện nên bà T khởi kiện yêu cầu bà V và ông X1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền mua hàng còn thiếu bà T là 458.780.000đ (Bốn trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà T xin rút lại phần yêu cầu bà V, ông X1 thanh toán cho bà T số tiền thiếu 114.780.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lâm Thị V người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X1 trình bày:

Vợ chồng bà V, ông X1 xác nhận có nợ bà T (6 X) số tiền mua ngư lưới cụ đánh bắt tổng cộng là 344.090.000đ theo biên nhận nợ ngày 05/12/2018, ngoài ra không nợ bà T số tiền nào khác. Bà V, ông X1 đồng ý trả cho bà T số tiền 344.090.000đ, nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả bà T 5.000.000đ vì hiện giờ kinh tế quá khó khăn không có khả năng trả 01 lần và trả ngay. Bà V, ông X1 đồng ý với việc bà T rút lại yêu cầu kiện đòi số tiền 114.780.000đ, bởi đối với số tiền 114.780.000đ mà bà T kiện đòi thì bà V, ông X1 xác định không có thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử

nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim T về việc yêu cầu bà Lâm Thị V và ông Nguyễn Văn X1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền mua hàng còn thiếu bà T là 344.090.000đ, không yêu cầu tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Xét việc bà T cung cấp biên nhận bà V viết, ký tên xác nhận có thiếu bà T số tiền mua ngư lưới cụ là 344.090.000đ được vợ chồng bà V, ông X1 xác nhận là đúng, xác nhận số tiền thiếu đến nay vợ chồng bà V, ông X1 chưa thanh toán cho bà T, đồng ý sẽ thanh toán cho bà T nên yêu cầu khởi kiện của bà T về vấn đề trên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Xét việc vợ chồng bà V, ông X1 thừa nhận có nợ bà T số tiền mua ngư lưới cụ là 344.090.000đ, đồng ý thanh toán số tiền trên cho bà T nhưng xin thanh toán dần hàng tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ là không được bà T, người đại diện theo ủy quyền của bà T chấp nhận và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Xét việc bà T rút lại phần yêu cầu bà V, ông X1 liên đới thanh toán cho bà T số tiền 114.780.000đ là phù hợp qui định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này của bà T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: (344.090.000đ x 5% = 17.204.500đ (Mười bảy triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm đồng) bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 217, 218, 219, 235, 244 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim T (6 Xuân) đối với bị đơn bà Lâm Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X1. Buộc bị đơn bà Lâm Thị V và người có quyền lợi , nghĩa vụ

liên quan ông Nguyễn Văn X1 liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Kim T số tiền nợ 344.090.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T về việc yêu cầu bà Lâm Thị V, ông Nguyễn Văn X1 liên đới thanh toán cho bà T số tiền 114.780.000đ (Một trăm mười bốn triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị đơn bà Lâm Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X1 nộp số tiền án phí là 17.204.500đ (Mười bảy triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.176.000đ (Mười một triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003766 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Rẻn